TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên toà: Bà Lê Thị Thu Huyền;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Thu H, sinh năm 1994; ĐKHKTT: Khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Hiện ở: Khu 5, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1993; ĐKHKTT: Khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Hiện anh T đang lao động tại Đài Loan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; ĐKHKTT: Khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ .

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hà Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình T đăng ký kết hôn ngày 19/9/2016 tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh T tại khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống , không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Đến năm 2019 thì anh T đi lao động tại Đài Loan và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam. Kể từ khi anh T đi Đài Loan vợ chồng có liên lạc với nhau một thời gian ngắn sau đó không còn liên lạc với nhau nữa, không có sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn

nhau. Từ tháng 8 năm 2020 chị đã thuê nhà và chuyển ra sống riêng tại khu 5, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Chị Hà Thị Thu H xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 05/12/2016. Khi ly hôn chị H nhất trí để cho anh Nguyễn Đình T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Trong thời gian anh T ở nước ngoài chị đồng ý để bố mẹ đẻ anh anh T là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu B cho đến anh T về Việt Nam đón cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Chị H xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Hà Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Hoa yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày quan điểm tại đơn đề nghị đề ngày 20/4/2021 (Bút lục 37): Anh và chị Hà Thị Thu H đăng ký kết hôn ngày 19/9/2016 tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống , không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Đến năm 2019 thì anh đi lao động tại Đài Loan và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam. Nay chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Đình T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 05/12/2016. Khi ly hôn anh xin được được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B. Trong thời gian anh ở nước ngoài bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu B cho đến anh về Việt Nam đón cháu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp : Anh T xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh T yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H trình bày quan điểm (Bút lục 33): Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình T. Anh T và chị H đã trưởng thành nên việc ly hôn của chị H và anh T ông bà không có ý kiến gì. Quá trình chung sống chị H và anh T có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 05/12/2016. Hiện nay cháu B đang ở cùng ông bà, do ông bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H và anh T thỏa thuận anh T là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B. Tuy nhiên anh T hiện nay đang làm việc ở Đài Loan nên anh T có nhờ ông bà thay anh T nuôi dưỡng cháu B cho đến

khi anh T về Việt Nam đón cháu. Anh T có ủy quyền cho ông bà nhận các văn bản tố tụng, bản án của Tòa án. Quan điểm của ông bà là nhất trí với các đề nghị của anh T và đề nghị Tòa án cho phép ông bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thu H và anh Nguyễn Đình T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 05/12/2016 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị H cùng anh T là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Trong thời gian anh T chưa về nước giao cháu B cho bố mẹ đẻ anh T (Tức ông bà nội của cháu B) là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; ĐKHKTT: Khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ sẽ thay anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B cho đến khi anh T về nước. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H, anh T xác định không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai nợ. Vì vậy không xem xét giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Hà Thị Thu H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình T là quan hệ "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, chị H trình bày hiện anh T đang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 7541/QLXNC-P5 ngày 01/4/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (BL 23) xác nhận: "Nguyễn Đình T, sinh ngày 20/01/1993, đã xuất cảnh ngày 12/11/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước". Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Hà Thị Thu H và anh Nguyễn Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ ngày 19/9/2016. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm không còn, hai bên không có sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; do vậy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H và anh T đều thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án xem xét công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thu H và anh Nguyễn Đình T.

Hiện nay anh Nguyễn Đình T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, đơn đề nghị của anh gửi từ Đài Loan về không được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 124 Luật hôn nhân và gia đình. Theo yêu cầu của chị Hà Thị Thu H, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký, chữ viết trong đơn đề nghị mà anh T gửi về từ Đài Loan. Căn cứ kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ (BL 43) đã kết luận: Chữ ký dạng chữ viết "T" và các chữ "Nguyễn Đình T" dưới mục "Người làm đơn" trên "Đơn đề nghị" (Mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết "T" và các chữ "Nguyễn Đình T" dưới mục "Chồng" trên "Giấy chứng nhận kết hôn" (Mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra. Từ đó đủ cơ sở khẳng định việc anh Nguyễn Đình T và chị Hà Thị Thu H thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 05/12/2016. Khi ly hôn chị H và anh T thống nhất thỏa thuận anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cháu B đến khi con chung thành niên. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Trong thời gian anh T ở nước ngoài bố mẹ đẻ anh T là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; ĐKHKTT: Khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu B cho đến khi anh T về Việt Nam đón cháu. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của chị Hà Thị Thu H và anh Nguyễn Đình T, việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị H là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ và về công sức đóng góp: Chị Hà Thị Thu H và anh Nguyễn Đình T đều xác nhận không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81, 82, 83; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 228; khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26; điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thu H và anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Hà Thị Thu H và anh Nguyễn Đình T: Giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 05/12/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung c ủa chị H cùng anh T là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Trong thời gian anh T ở nước ngoài bố mẹ đẻ anh T (Tức ông bà nội của cháu B) là ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; ĐKHKTT: Khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ sẽ thay anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B cho đến khi anh T về nước.

Không ai có quyền cản trở quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Hà Thị Thu H và anh Nguyễn Đình T thống nhất xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hà Thị Thu H tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hà Thị Thu H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0004404 ngày 18/3/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị Thu H phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã S – huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu Huyền